

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 57/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại Phiếu lấy ý kiến ngày 22 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân công các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá; lập, thẩm định, trình phương án giá; kê

khai giá; cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm tra chuyên ngành về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.
2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh.

Chương II PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Mục 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Giá số 16/2023/QH15, gồm:

1. Xăng, dầu thành phẩm.
2. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
3. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
4. Thóc tẻ, gạo tẻ.
5. Phân đạm, phân DAP, phân NPK.
6. Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.
7. Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.
8. Thuốc bảo vệ thực vật.
9. Thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu.

Điều 4. Tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quyết định này đánh giá diễn biến thực tế mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ để xây dựng báo cáo bình ổn giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật số 16/2023/QH15, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Sở Tài chính tổng hợp văn bản đề nghị bình ổn giá của cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo các thông tin khác phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 2. ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý tại địa phương được quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật số 16/2023/QH15, gồm:

1. Khung giá: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Giá tối đa:

a) Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

b) Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

d) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

đ) Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

3. Giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ (do hai cấp định giá):

a) Nước sạch.

b) Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

c) Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Giá cụ thể:

a) Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

b) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân).

c) Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

d) Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

đ) Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

e) Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

g) Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

h) Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

i) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

k) Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

l) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

5. Khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ: Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.

Điều 6. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, gửi cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 7 Quyết định này.

Điều 7. Thẩm định phương án giá

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

d) Giá cụ thể nước sạch (đối với công trình cấp nước sạch nông thôn; đối với đơn vị vừa quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn vừa quản lý công trình cấp nước đô thị mà có tỷ trọng sản lượng cung cấp nước sạch nông thôn lớn hơn).

đ) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

e) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

g) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân).

h) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

i) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

b) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

c) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Giá cụ thể nước sạch; trừ giá cụ thể nước sạch được quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

đ) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

e) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

g) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

h) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

3. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực tư pháp trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

4. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực y tế - dân số; bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng chống tệ nạn xã hội trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

b) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực công thương trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, truyền thông trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, bưu chính, viễn thông, thông tin trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

8. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực nội vụ về lưu trữ, dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo (trừ dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức), sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

10. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực kinh tế và dịch vụ khác trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

11. Cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công khác ngoài các sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) đã được quy định tại Điều

này trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.

Điều 8. Trình và ban hành văn bản định giá

1. Cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 7 Quyết định này tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá.

Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá, gửi một (01) bản chính hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ cho Bộ Tài chính định khung giá (đối với nước sạch) hoặc Bộ Y tế định giá tối đa (đối với dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập; dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập).

Sau khi có văn bản định khung giá hoặc giá tối đa, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực (Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Y tế) có trách nhiệm rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể. Văn bản định giá sau khi được ban hành được gửi để thông báo đến Bộ Tài chính hoặc Bộ Y tế.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá dưới dạng quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 16/2023/QH15, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Mục 3. KÊ KHAI GIÁ

Điều 9. Kê khai giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, gồm:

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá, giá tối đa để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành:

- a) Xi măng;
- b) Nhà ở, nhà chung cư;
- c) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê);
- d) Thép xây dựng;
- đ) Than;
- e) Etanol nhiên liệu không biến tính;
- g) Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);
- h) Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- i) Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
- k) Muối ăn;
- l) Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;
- m) Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ;
- n) Thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- o) Thiết bị y tế;
- p) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;
- q) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân;
- r) Dịch vụ viễn thông.

4. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương:

- a) Dịch vụ lưu trú;
- b) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
- c) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác gồm cát xây; đá xây dựng (đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá cấp phối, đá mi)

Điều 10. Tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá:

- a) Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm a, d, i, k khoản 3 Điều 9 Quyết định này;
- b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 3; điểm b, d khoản 2 Điều 5; điểm h khoản 3 Điều 9 Quyết định này;

c) Sở Xây dựng tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 5; điểm b, c, l, m khoản 3, điểm b, c khoản 4 Điều 9 Quyết định này;

d) Sở Tư pháp tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

đ) Sở Y tế tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3, 9 Điều 3; điểm n, o, p, q khoản 3 Điều 9 Quyết định này;

e) Sở Công Thương tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; điểm đ, e, g khoản 3 Điều 9 Quyết định này;

g) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm r khoản 3 Điều 9 Quyết định này;

h) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Quyết định này.

2. Cách thức tiếp nhận văn bản kê khai giá:

Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá qua môi trường mạng trên phần mềm bằng một trong các hình thức sau đây: tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến; tiếp nhận qua phần mềm cơ sở dữ liệu về giá; các hình thức tiếp nhận trên môi trường mạng khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Đồng thời, kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu đã tiếp nhận qua môi trường mạng lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Gia Lai, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có tên trong Danh sách kê khai giá tại điểm a khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Mục 4. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 11. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật các thông tin, dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ vào cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

3. Sở Tài chính thường xuyên tổng hợp các vướng mắc trong quá trình sử dụng hệ thống cùng những kiến nghị để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 5. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 12. Cơ quan thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật số 16/2023/QH15. Cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Điều 12 Quyết định này có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật số 16/2023/QH15.

Mục 6. KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ

Điều 14. Cơ quan thực hiện kiểm tra chuyên ngành về giá

Cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định này, có trách nhiệm kiểm tra chuyên ngành về giá.

Điều 15. Trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Điều 14 Quyết định này thực hiện kiểm tra chuyên ngành về giá theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị chuyên môn về quản lý ngành, lĩnh vực và các đơn vị có liên quan triển khai, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nội dung về quản lý giá tại Quyết định này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai tổ chức tuyên truyền rộng rãi về các quy định quản lý giá của nhà nước, các chủ trương, chính sách bình ổn giá của nhà nước; công bố thông tin về giá theo đúng quy định.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại Quyết định này phải thực hiện các biện pháp bình ổn giá của Nhà nước, lập phương án

giá, kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo đúng quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của tài liệu, số liệu; chấp hành việc kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Những nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật số 16/2023/QH15, các văn bản hướng dẫn Luật số 16/2023/QH15 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước đây) Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 17;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4.

(Chữ ký)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh